



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 3

Số 48 (15/3/2009)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

23-02-2009	Quyết định số 696/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Bình Trưng Đông, quận 2.	2
------------	---	---

### **HUYỆN CẦN GIỜ**

16-02-2009	Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn huyện Cần Giờ.	11
------------	--	----

17-02-2009	Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND về bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	13
------------	--	----

### **HUYỆN CỬ CHI**

11-02-2009	Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi.	34
------------	---	----

# ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 696/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2009

## QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch  
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường Bình Trưng Đông, quận 2

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 2 tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 504/TTr-TNMT-KH ngày 19 tháng 01 năm 2009,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường Bình Trưng Đông, quận 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>331,44</b>	<b>100,00</b>	<b>331,44</b>	<b>100,00</b>

1	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	114,46	34,53	6,67	2,01
1.1	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	SXN	64,34	56,21	-	-
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	25,50	39,63	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	38,84	60,37	-	-
1.2	<b>Đất lâm nghiệp</b>	LNP	-	-	-	-
1.3	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	NTS	50,12	43,79	6,67	100,00
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>216,98</b>	<b>65,47</b>	<b>324,77</b>	<b>97,99</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	OTC	151,99	70,05	173,84	53,53
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	151,99	100,00	173,84	100,00
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG	30,60	14,10	122,76	37,80
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,21	0,69	0,55	0,45
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	5,50	17,97	1,28	1,04
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	1,09	3,56	2,89	2,35
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,09	100,00	2,89	100,00
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	23,80	77,78	118,04	96,16
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	18,95	79,62	61,18	51,83
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	3,41	2,89
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,06	8,66	28,14	23,84
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,10	0,42	0,95	0,80
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,66	11,18	17,33	14,68
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	4,61	3,91
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,03	0,13	0,91	0,77
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	1,43	1,21
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	0,08	0,07

2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN	0,94	0,43	1,69	0,52
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD	10,59	4,88	-	-
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN	22,43	10,34	17,89	5,51
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK	0,43	0,20	8,59	2,64
3	<b>Đất chưa sử dụng</b>	CSD	-	-	-	-

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

<b>Thứ tự</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>107,79</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	64,34
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	25,50
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	2,53
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	38,84
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	43,45
2	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKT <sup>(a)</sup> /OTC	<b>4,97</b>
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	2,87
2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
2.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	2,57
2.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-
2.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,30
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-
2.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	2,10
2.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>107,79</b>
1.1	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	SXN	64,34
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	25,50
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2,53
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	38,84
1.2	<b>Đất lâm nghiệp</b>	LNP	-
1.3	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	NTS	43,45
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>47,64</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	OTC	36,01
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	36,01
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG	4,66
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,04
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	4,28
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,34
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN	-
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD	2,28
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN	4,54
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK	0,15
	<b>Cộng</b>		<b>155,43</b>

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/2.000) do Ủy ban nhân dân quận 2 lập và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Bình Trưng Đông, quận 2 do Ủy ban nhân dân quận 2 lập ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**Điều 2.** Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường Bình Trưng Đông, quận 2 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>331,44</b>	<b>331,44</b>	<b>331,44</b>	<b>331,44</b>	<b>331,44</b>
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>106,65</b>	<b>100,51</b>	<b>78,21</b>	<b>42,30</b>	<b>6,67</b>
1.1	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	SXN	59,97	57,82	45,53	22,14	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	23,52	23,52	19,63	8,77	-
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	23,52	23,52	19,63	8,77	-
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1,33	1,33	1,03	-	-
1.1.1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	22,19	22,19	18,60	8,77	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36,45	34,30	25,90	13,37	-
1.2	<b>Đất lâm nghiệp</b>	LNP	-	-	-	-	-
1.3	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	NTS	46,68	42,69	32,68	20,16	6,67
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>224,79</b>	<b>230,93</b>	<b>253,23</b>	<b>289,14</b>	<b>324,77</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	OTC	159,83	165,97	163,32	169,09	173,84
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	159,83	165,97	163,32	169,09	173,84
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG	30,27	30,27	55,69	90,11	122,76
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,21	0,21	0,20	0,58	0,55
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	5,50	5,50	1,22	1,22	1,28
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	1,09	1,09	2,89	2,89	2,89

2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,09	1,09	2,89	2,89	2,89
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	23,47	23,47	51,38	85,42	118,04
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	18,62	18,62	35,30	46,19	61,18
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	3,41	3,41
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	-	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,06	2,06	4,77	11,89	28,14
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,10	0,10	0,09	0,95	0,95
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,66	2,66	6,27	15,95	17,33
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	2,61	4,61	4,61
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,03	0,03	0,91	0,91	0,91
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	1,43	1,43	1,43
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	0,08	0,08
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN	1,69	1,69	1,69	1,69	1,69
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD	10,59	10,59	8,31	4,01	-
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN	22,13	22,13	21,84	19,66	17,89
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK	0,28	0,28	2,38	4,58	8,59

## 2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển MĐSD đất trong kỳ KH	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>107,79</b>	<b>7,81</b>	<b>6,14</b>	<b>22,30</b>	<b>35,91</b>	<b>35,63</b>

1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	64,34	4,37	2,15	12,29	23,39	22,14
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	25,50	1,98	-	3,89	10,86	8,77
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	2,53	1,20	-	0,30	1,03	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	38,84	2,39	2,15	8,40	12,53	13,37
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	43,45	3,44	3,99	10,01	12,52	13,49
2	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKT <sup>(a)</sup> /OTC	<b>4,97</b>	<b>0,60</b>	-	<b>2,57</b>	<b>0,80</b>	<b>1,00</b>
2.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	2,87	0,30	-	2,57	-	-
2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	2,57	-	-	2,57	-	-
2.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-	-	-	-	-	-
2.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,30	0,30	-	-	-	-
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	2,10	0,30	-	-	0,80	1,00



## 3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>107,79</b>	<b>7,81</b>	<b>6,14</b>	<b>22,30</b>	<b>35,91</b>	<b>35,63</b>
1.1	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	SXN	64,34	4,37	2,15	12,29	23,39	22,14
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	25,50	1,98	-	3,89	10,86	8,77
<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>		LUC	2,53	1,20	-	0,30	1,03	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	38,84	2,39	2,15	8,40	12,53	13,37
1.2	<b>Đất lâm nghiệp</b>	LNP	-	-	-	-	-	-
1.3	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	NTS	43,45	3,44	3,99	10,01	12,52	13,49
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>47,64</b>	<b>0,78</b>	-	<b>21,99</b>	<b>13,55</b>	<b>11,32</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	OTC	36,01	-	-	17,22	9,27	9,52
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	36,01	-	-	17,22	9,27	9,52
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG	4,66	0,33	-	4,30	-	0,03
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,04	-	-	0,01	-	0,03
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	4,28	-	-	4,28	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	-	-	-	-	-	-
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,34	0,33	-	0,01	-	-
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN	-	-	-	-	-	-
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD	2,28	-	-	0,18	2,10	-

2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN	4,54	0,30	-	0,29	2,18	1,77
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK	0,15	0,15	-	-	-	-
	<b>Cộng</b>		<b>155,43</b>	<b>8,59</b>	<b>6,14</b>	<b>44,29</b>	<b>49,46</b>	<b>46,95</b>

**Điều 3.** Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 2 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**HUYỆN CẦN GIỜ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 16 tháng 02 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH****Về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ  
trên địa bàn huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 446/TTr-TCKH ngày 18 tháng 12 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tất cả các chợ do Nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện áp dụng mức thu như sau:

1. Đối với người buôn bán có điểm kinh doanh, cửa hàng, cửa hiệu (ki ốt), có hợp đồng thuê điểm kinh doanh, hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ, mức thu: 25.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

2. Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ, mức thu: 2.000 đồng/m<sup>2</sup>/ngày.

3. Số thu từ phí chợ được để lại đơn vị 100%. Phí chợ được quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, kiện toàn, củng cố Ban Quản lý chợ. Ban Quản lý chợ có trách nhiệm thu phí chợ là đơn vị sự nghiệp có thu, được áp dụng cơ chế tài chính theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Hiệp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 17 tháng 02 năm 2009

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện  
không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ kết quả tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật từ năm 1976 đến tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Công văn số 09/TP ngày 10 tháng 02 năm 2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố danh mục 274 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành từ năm 1987 đến năm 2008 đã hết hiệu lực thi hành (có danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng, ban thuộc huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Hiệp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
DO ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BAN HÀNH  
TỪ NĂM 1987 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2008 ĐÃ HẾT HIỆU LỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND*

*ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)*

STT	Hình thức	Số văn bản Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
01	Quyết định	263/QĐ-UB Ngày 01/4/1995	Thành lập Rừng lịch sử Duyên Hải
02	Chỉ thị	03/CT-UB Ngày 04/3/1987	Thi hành Luật Nghĩa vụ quân sự và những biện pháp xử lý đối với người vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự.
03	Quyết định	262/QĐ-UB Ngày 28/11/1987	Thành lập Phòng khám đa khoa Khu vực IV xã Long Hòa.
04	Quyết định	93/QĐ-UB Ngày 14/4/1987	Ban hành bản Quy định tạm thời về quản lý bảo vệ chim muông, thú rừng trên địa bàn huyện.
05	Quyết định	79/QĐ-UB Ngày 05/5/1989	Chuyển nhiệm vụ và tổ chức nghiên cứu, theo dõi việc xử lý hành chính từ Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện sang Tổ Tư pháp huyện.
06	Quyết định	147/QĐ-UB Ngày 21/12/1992	Thành lập Ban Kiểm tra về việc kê khai đăng ký, quản lý vũ khí.
07	Chỉ thị	05/CT-UB Ngày 21/10/1993	Tập trung chỉ đạo công tác đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.
08	Chỉ thị	04/CT-UB Ngày 20/5/1994	Tăng cường bảo vệ lưới điện quốc gia trên địa bàn huyện.
09	Chỉ thị	05/CT-UB Ngày 02/6/1994	Tổ chức thực hiện quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã.

10	Quyết định	50/QĐ-UB Ngày 05/4/1994	Thành lập Ban Chỉ đạo Thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.
11	Quyết định	136/QĐ-UB Ngày 22/6/1994	Thành lập Hội đồng xét thuế bất khả thu.
12	Quyết định	201/QĐ-UB Ngày 12/7/1994	Thành lập Ủy ban Dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện Cần Giò.
13	Quyết định	209/QĐ-UB Ngày 10/8/1994	Thành lập Quỹ học bổng “Vì sự nghiệp đào tạo nhân tài huyện Cần Giò”.
14	Quyết định	221/QĐ-UB Ngày 26/8/1994	Quy định tạm thời hành lang bảo vệ tuyến đường bộ liên xã Lý Nhơn.
15	Quyết định	265/QĐ-UB Ngày 13/10/1994	Thành lập Ban Chỉ đạo điều tra nhân sự, lao động khu vực Nhà nước và các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện.
16	Quyết định	294/QĐ-UB Ngày 08/11/1994	Cho phép thành lập Tổ Phòng, chống tệ nạn xã hội trực thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
17	Chỉ thị	01/CT-UB Ngày 04/01/1995	Tăng cường thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.
18	Chỉ thị	02/CT-UB Ngày 24/3/1995	Đấu tranh ngăn chặn băng ghi hình, đĩa hình có nội dung xấu và phim ảnh ngoài danh mục Nhà nước.
19	Chỉ thị	04/CT-UB Ngày 04/7/1995	Tiếp tục tạo điều kiện để chuyển các hộ dân xã Tam Thôn Hiệp về khu dân cư mới (Nông trường quận 3 cũ).
20	Quyết định	82/QĐ-UB Ngày 20/02/1995	Thành lập Hội đồng thẩm định các dự án nhỏ sử dụng vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm huyện Cần Giò.
21	Quyết định	91/QĐ-UB Ngày 14/3/1995	Thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em.
22	Quyết định	92/QĐ-UB Ngày 16/3/1995	Thành lập Tổ Quy hoạch kinh tế - xã hội thời kỳ 1996 - 2010 huyện Cần Giò.
23	Quyết định	99/QĐ-UB Ngày 17/3/1995	Bổ sung thành viên Hội đồng thẩm định các dự án nhỏ sử dụng vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm huyện Cần Giò.
24	Quyết định	124/QĐ-UB Ngày 03/4/1995	Thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động không xả rác.
25	Quyết định	149/QĐ-UB Ngày 18/4/1995	Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cuộc vận động không xả rác.

26	Quyết định	160/QĐ-UB Ngày 25/4/1995	Thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện.
27	Quyết định	203/QĐ-UB Ngày 03/6/1995	Mở chiến dịch truyền thông lồng ghép dân số, kế hoạch hóa gia đình.
28	Quyết định	296/QĐ-UB Ngày 12/7/1995	Thành lập Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp huyện Cần Giờ.
29	Quyết định	348/QĐ-UB Ngày 17/8/1995	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
30	Quyết định	361/QĐ-UB Ngày 17/8/1995	Thay đổi thành viên Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp huyện Cần Giờ.
31	Quyết định	387/QĐ-UB Ngày 06/9/1995	Quy định giá thuế sử dụng đất nông nghiệp bằng tiền thay lúa đối với diện tích nuôi nghêu năm 1995 trên địa bàn huyện.
32	Quyết định	414/QĐ-UB Ngày 22/9/1995	Ban hành Quy định chế độ khen thưởng cho học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện.
33	Quyết định	711/QĐ-UB Ngày 13/12/1995	Thành lập Hội đồng tư vấn thuế các xã.
34	Quyết định	715/QĐ-UB Ngày 16/12/1995	Ban hành Quy định tạm thời về việc cho thuê đất có thời hạn đất bãi bồi có mặt nước ven sông, ven biển để nuôi thủy sản.
35	Quyết định	737/QĐ-UB Ngày 25/12/1995	Thành lập Hội đồng Giáo dục huyện Cần Giờ.
36	Quyết định	744/QĐ-UB Ngày 29/12/1995	Thành lập Ban Chỉ đạo vận động hiến máu.
37	Chỉ thị	12/CT-UB Ngày 22/11/1996	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn huyện Cần Giờ.
38	Quyết định	80/QĐ-UB Ngày 26/01/1996	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chỉ thị và các nghị định của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ các tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.
39	Quyết định	90/QĐ-UB Ngày 31/01/1996	Thành lập Đội Kiểm tra liên ngành quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ một số tệ nạn nghiêm trọng của huyện.
40	Quyết định	91/QĐ-UB Ngày 31/01/1996	Thành lập Hội đồng Xử lý vi phạm các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa của huyện.



41	Quyết định	92/QĐ-UB Ngày 02/02/1996	Thành lập Ban đại diện Hội đồng Quản trị Ngân hàng phục vụ người nghèo huyện Cần Giờ.
42	Quyết định	110/QĐ-UB Ngày 08/3/1996	Điều chỉnh nhiệm vụ tham mưu, quản lý công tác khoa học kỹ thuật.
43	Quyết định	111/QĐ-UB Ngày 08/3/1996	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết khiếu nại, tranh chấp về đất đai.
44	Quyết định	203/QĐ-UB Ngày 08/5/1996	Duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo huyện Cần Giờ năm 1996 - 2000
45	Quyết định	205/QĐ-UB Ngày 08/5/1996	Thành lập Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giờ.
46	Quyết định	204/QĐ-UB Ngày 08/5/1996	Thành lập Ban Chủ nhiệm dự án Công nghệ thông tin huyện Cần Giờ.
47	Quyết định	206/QĐ-UB Ngày 08/5/1996	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện đề án xây dựng hệ thống thông tin về nhân sự - lao động và dân số trên mạng vi tính.
48	Quyết định	255/QĐ-UB Ngày 18/5/1996	Thành lập Tiểu ban Quản lý dân nhập cư.
49	Quyết định	253/QĐ-UB Ngày 18/5/1996	Thành lập Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện Cần Giờ.
50	Quyết định	305/QĐ-UB Ngày 21/5/1996	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 715/QĐ-UB ngày 16/12/1995 của Ủy ban nhân dân huyện.
51	Quyết định	353/QĐ-UB Ngày 11/7/1996	Ban hành Quy chế tạm thời về quản lý sản xuất bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên phạm vi địa giới hành chính huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.
52	Quyết định	367/QĐ-UB Ngày 10/7/1996	Ban hành Quy chế tạm thời về quản lý và sử dụng nhà nghỉ.
53	Quyết định	368/QĐ-UB Ngày 11/7/1996	Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện.
54	Quyết định	424/QĐ-UB Ngày 15/8/1996	Thành lập đội kiểm tra liên ngành truy quét các loại dược phẩm nhập lậu kém chất lượng, làm giả, gây nghiện và kích dâm gây nguy hại cho người sử dụng.
55	Quyết định	492/QĐ-UB Ngày 07/9/1996	Thay đổi thành viên Ủy ban Bảo vệ - Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giờ

56	Quyết định	493/QĐ-UB Ngày 07/9/1996	Thay đổi thành viên Ban Chủ nhiệm chương trình Phòng, chống suy dinh dưỡng.
57	Quyết định	598/QĐ-UB Ngày 05/11/1996	Thay đổi thành viên Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình.
58	Quyết định	599/QĐ-UB Ngày 05/11/1996	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình.
59	Quyết định	625/QĐ-UB Ngày 14/11/1996	Thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư huyện Cần Giờ
60	Quyết định	675/QĐ-UB Ngày 16/12/1996	Ủy quyền cho Phòng Tư pháp ký các việc công chứng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu Ủy ban nhân dân huyện
61	Quyết định	705/QĐ-UB Ngày 24/12/1996	Điều chỉnh giá cước vận tải hành khách trên tuyến Long Hòa - Vàm Láng.
62	Chỉ thị	01/1997/CT-UB Ngày 26/02/1997	Về việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở - xóa mù chữ giai đoạn 1997-2000 của huyện Cần Giờ.
63	Chỉ thị	02/1997/CT-UB Ngày 12/3/1997	Việc tăng cường công tác kiểm tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ.
64	Chỉ thị	03/1997/CT-UB Ngày 17/4/1997	Việc tăng cường hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân các xã.
65	Quyết định	210/1997/QĐ-UB Ngày 25/4/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Kinh tế và ủy quyền cho Trưởng Phòng Kinh tế ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
66	Quyết định	211/1997/QĐ-UB Ngày 25/4/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Tư pháp và ủy quyền cho Trưởng Phòng Tư pháp ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
67	Quyết định	212/1997/QĐ-UB Ngày 25/4/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về ban hành quản lý và lưu trữ văn bản hành chính của các phòng, ban huyện theo cơ chế một cửa, một dấu.
68	Quyết định	214/1997/QĐ-UB Ngày 25/4/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.

69	Quyết định	215/1997/QĐ-UB Ngày 25/4/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
70	Quyết định	280/1997/QĐ-UB Ngày 22/5/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ủy quyền cho Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
71	Quyết định	281/1997/QĐ-UB Ngày 22/5/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
72	Quyết định	290/1997/QĐ-UB Ngày 26/5/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Tổ chức chính quyền và ủy quyền cho Trưởng Phòng Tổ chức chính quyền ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
73	Quyết định	291/1997/QĐ-UB Ngày 26/5/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
74	Quyết định	293/1997/QĐ-UB Ngày 26/5/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Xây dựng - giao thông vận tải huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
75	Quyết định	318/1997/QĐ-UB Ngày 02/6/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Địa chính và ủy quyền cho Trưởng Phòng Địa chính ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
76	Quyết định	319/1997/QĐ-UB Ngày 02/6/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Địa chính huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
77	Quyết định	341/1997/QĐ-UB Ngày 17/6/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Lao động - Thương binh xã hội và ủy quyền cho Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.

78	Quyết định	342/1997/QĐ-UB Ngày 17/6/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
79	Quyết định	470/1997/QĐ-UB Ngày 05/8/1997	Sửa đổi và bổ sung quy trình, thủ tục hành chính của các phòng, ban.
80	Quyết định	514/1997/QĐ-UB Ngày 23/8/1997	Thành lập Tổ công tác rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.
81	Quyết định	678/1997/QĐ-UB Ngày 24/10/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao và ủy quyền cho Trưởng Phòng Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
82	Quyết định	679/1997/QĐ-UB Ngày 24/10/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
83	Quyết định	714/1997/QĐ-UB Ngày 30/10/1997	Thu hồi con dấu của Ủy ban Bảo vệ Chăm sóc trẻ em huyện.
84	Quyết định	715/1997/QĐ-UB Ngày 30/10/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Bảo vệ - Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
85	Quyết định	716/1997/QĐ-UB Ngày 30/10/1997	Thu hồi con dấu của Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện Cần Giờ.
86	Quyết định	717/1997/QĐ-UB Ngày 30/10/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
87	Quyết định	806/1997/QĐ-UB Ngày 05/12/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Tài chính - kế hoạch và Đầu tư và ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài chính - kế hoạch và Đầu tư ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
88	Quyết định	807/1997/QĐ-UB Ngày 05/12/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính kế hoạch - Đầu tư huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.

89	Quyết định	808/1997/QĐ-UB Ngày 05/12/1997	Thu hồi con dấu của Phòng Giáo dục - Đào tạo và ủy quyền cho Trưởng Phòng Giáo dục - Đào tạo ký các văn bản hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện.
90	Quyết định	809/1997/QĐ-UB Ngày 05/12/1997	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Cần Giờ theo cơ chế một cửa, một dấu.
91	Quyết định	881/1997/QĐ-UB Ngày 29/12/1997	Điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.
92	Chỉ thị	01/1998/CT-UB Ngày 03/02/1998	Tổng kết thực hiện khiếu nại, tố cáo của công dân.
93	Chỉ thị	02/1998/CT-UB Ngày 27/02/1998	Triển khai thực hiện phân cấp quản lý vốn xây dựng và sửa chữa nhỏ thuộc nguồn vốn ngân sách huyện.
94	Chỉ thị	03/1998/CT-UB Ngày 19/5/1998	Đẩy mạnh cuộc vận động sửa chữa, chống dột, chống ngập úng trong các khu dân cư.
95	Chỉ thị	04/1998/CT-UB Ngày 11/8/1998	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách huyện năm 1999.
96	Chỉ thị	05/1998/CT-UB Ngày 17/9/1998	Tăng cường việc quản lý, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh du lịch tại khu 30/4.
97	Chỉ thị	07/1998/CT-UB Ngày 03/11/1998	Tổ chức diễn tập phương án phòng thủ bảo vệ thành phố Hồ Chí Minh (ký hiệu PT.98).
98	Chỉ thị	08/1998/CT-UB Ngày 06/11/1998	Tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục đối với những đối tượng tệ nạn giáo dục.
99	Quyết định	08/1998/QĐ-UB Ngày 06/01/1998	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 628/QĐ-UB ngày 15/11/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.
100	Quyết định	10/1998/QĐ-UB Ngày 07/01/1998	Giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện xây dựng công trình hệ thống thủy lợi nội đồng xã Tam Thôn Hiệp.
101	Quyết định	13/1998/QĐ-UB Ngày 13/01/1998	Cho phép sử dụng con dấu Phòng Giáo dục - Đào tạo để tiếp nhận kinh phí ủy quyền chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục - đào tạo
102	Quyết định	82/1998/QĐ-UB Ngày 03/02/1998	Cho phép sử dụng con dấu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tiếp nhận và cấp phát vốn của Quỹ xóa đói giảm nghèo và Quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

103	Quyết định	190/1998/QĐ-UB Ngày 19/3/1998	Thay đổi Trưởng Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo.
104	Quyết định	192/1998/QĐ-UB Ngày 20/3/1998	Thay đổi, bổ sung thành viên của Ủy ban Bảo vệ - Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giờ.
105	Quyết định	193/1998/QĐ-UB Ngày 26/3/1998	Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo.
106	Quyết định	235/1998/QĐ-UB Ngày 28/3/1998	Chuyển chức năng quản lý môi trường sang Phòng Xây dựng - Giao thông vận tải huyện Cần Giờ.
107	Quyết định	243/1998/QĐ-UB Ngày 11/4/1998	Bổ nhiệm các thành viên Ủy ban Dân số, kế hoạch hóa gia đình.
108	Quyết định	246/1998/QĐ-UB Ngày 16/4/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo Chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn huyện Cần Giờ.
109	Quyết định	263/1998/QĐ-UB Ngày 16/4/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo Chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản huyện Cần Giờ.
110	Quyết định	264/1998/QĐ-UB Ngày 16/4/1998	Duyệt dự án mở rộng khu dân cư III Tam Thôn Hiệp.
111	Quyết định	312/1998/QĐ-UB Ngày 08/5/1998	Điều chỉnh, bổ sung Ban Chỉ đạo cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư huyện Cần Giờ.
112	Quyết định	315/1998/QĐ-UB Ngày 30/5/1998	Điều chỉnh vốn để thực hiện chương trình chống dột và ngập úng trong khu dân cư lao động.
113	Quyết định	331/1998/QĐ-UB Ngày 20/5/1998	Thành lập Hội đồng xét duyệt, công nhận "Công sở văn minh - sạch đẹp - an toàn" huyện Cần Giờ.
114	Quyết định	352/1998/QĐ-UB Ngày 02/6/1998	Duyệt dự án sửa chữa chợ Bình Khánh.
115	Quyết định	354/1998/QĐ-UB Ngày 03/6/1998	Giải tỏa thu hồi đất xây dựng công trình đường nội vi khu dân cư III mở rộng xã Tam Thôn Hiệp huyện Cần Giờ.
116	Quyết định	396/1998/QĐ-UB Ngày 11/6/1998	Thành lập Hội đồng đăng ký đất xã Bình Khánh.
117	Quyết định	399/1998/QĐ-UB Ngày 19/6/1998	Trợ vốn cho dân nghèo xây dựng hồ xí tự hoại từ Quỹ xóa đói giảm nghèo.

118	Quyết định	517/1998/QĐ-UB Ngày 30/7/1998	Ban hành Quy định tạm thời về quy trình tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của công dân.
119	Quyết định	550/1998/QĐ-UB Ngày 07/8/1998	Thành lập Ban đại diện Hội đồng Quản trị phục vụ người nghèo huyện Cần Giờ.
120	Quyết định	551/1998/QĐ-UB Ngày 07/8/1998	Thành lập Hội đồng thẩm định các dự án nhỏ vay vốn từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm huyện Cần Giờ.
121	Quyết định	605/1998/QĐ-UB Ngày 19/8/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo thu hồi nợ quá hạn nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm Chương trình xóa đói giảm nghèo huyện Cần Giờ.
122	Quyết định	609/1998/QĐ-UB Ngày 22/8/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở huyện Cần Giờ.
123	Quyết định	611/1998/QĐ-UB Ngày 22/8/1998	Thành lập Hội đồng đăng ký đất xã Long Hòa.
124	Quyết định	612/1998/QĐ-UB Ngày 22/8/1998	Thành lập Tổ thi hành quyết định giải quyết khiếu nại.
125	Quyết định	639/1998/QĐ-UB Ngày 29/8/1998	Thành lập Hội đồng đăng ký đất xã Cần Thạnh.
126	Quyết định	684/1998/QĐ-UB Ngày 19/9/1998	Ban hành Quy định tạm thời về giao đất có mặt nước ven sông, ven biển để nuôi thủy sản.
127	Quyết định	722/1998/QĐ-UB Ngày 01/10/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách giải quyết những khó khăn trong nông nghiệp và đời sống nông dân.
128	Quyết định	791/1998/QĐ-UB Ngày 21/10/1998	Thành lập Đoàn Thanh tra về tình hình quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện.
129	Quyết định	810/1998/QĐ-UB Ngày 24/10/1998	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế theo cơ chế một cửa, một dấu
130	Quyết định	811/1998/QĐ-UB Ngày 26/10/1998	Thành lập Hội đồng đăng ký đất Lý Nhơn.
131	Quyết định	848/1998/QĐ-UB Ngày 10/11/1998	Thành lập Tổ Kiểm tra việc lấn chiếm đất rừng xây nhà ở trái phép.
132	Quyết định	919/1998/QĐ-UB Ngày 30/11/1998	Thành lập Tổ Điều tra quy hoạch vườn cây ăn trái đến năm 2010 huyện Cần Giờ.

133	Quyết định	923/1998/QĐ-UB Ngày 04/12/1998	Thành lập Đội Kiểm tra liên ngành quản lý các hoạt động văn hóa và các dịch vụ văn hóa bài trừ một số tệ nạn nghiêm trọng của huyện.
134	Quyết định	924/1998/QĐ-UB Ngày 04/12/1998	Thành lập Hội đồng xử lý vi phạm các hoạt động văn hóa và các dịch vụ văn hóa của huyện.
135	Quyết định	925/1998/QĐ-UB Ngày 04/12/1998	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị định của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và các dịch vụ văn hóa của huyện.
136	Quyết định	1056/1998/QĐ-UB Ngày 31/12/1998	Trợ vốn cho người nghèo vay học nghề từ Quỹ xóa đói giảm nghèo.
137	Chỉ thị	01/1999/CT-UB Ngày 08/01/1999	Tuyển chọn và gọi thanh niên nhập ngũ năm 1999.
138	Chỉ thị	02/1999/CT-UB Ngày 23/8/1999	Xây dựng Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách huyện năm 2000.
139	Chỉ thị	04/1999/CT-UB Ngày 19/10/1999	Tăng cường công tác quản lý thu thuế trên địa bàn huyện những tháng cuối năm.
140	Quyết định	76/1999/QĐ-UB Ngày 29/01/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em huyện.
141	Quyết định	77/1999/QĐ-UB Ngày 29/01/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình giải quyết việc làm huyện Cần Giờ.
142	Quyết định	144/1999/QĐ-UB Ngày 24/3/1999	Thành lập Hội đồng Y đức huyện Cần Giờ.
143	Quyết định	199/1999/QĐ-UB Ngày 06/4/1999	Nâng giá cước đưa đón khách.
144	Quyết định	201/1999/QĐ-UB Ngày 06/4/1999	Thành lập Tổ bán chuyên trách thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước huyện Cần Giờ.
145	Quyết định	205/1999/QĐ-UB Ngày 13/4/1999	Thay đổi thành viên Ủy ban Bảo vệ - Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giờ.
146	Quyết định	209/1999/QĐ-UB Ngày 16/4/1999	Thành lập Hội đồng xét duyệt và công nhận công sở văn minh - sạch đẹp và an toàn huyện Cần Giờ.
147	Quyết định	218/1999/QĐ-UB Ngày 19/4/1999	Thay đổi tên và nhân sự Ban Chỉ đạo cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư huyện Cần Giờ.



148	Quyết định	267/1999/QĐ-UB Ngày 28/4/1999	Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 924/1998/QĐ-UB ngày 04/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện về thành lập Hội đồng xử lý vi phạm các hoạt động văn hóa và các dịch vụ văn hóa của huyện.
149	Quyết định	367/1999/QĐ-UB Ngày 09/6/1999	Thay đổi, điều chỉnh chức vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Cần Giờ.
150	Quyết định	411/1999/QĐ-UB Ngày 08/7/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng điều hành Quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện Cần Giờ.
151	Quyết định	479/1999/QĐ-UB Ngày 16/7/1999	Bổ sung thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và cứu nạn huyện Cần Giờ.
152	Quyết định	480/1999/QĐ-UB Ngày 16/7/1999	Ủy quyền ký xác nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
153	Quyết định	586/1999/QĐ-UB Ngày 07/8/1999	Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện Cần Giờ.
154	Quyết định	588/1999/QĐ-UB Ngày 09/8/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo điều tra xác định nạn nhân bị hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam huyện Cần Giờ.
155	Quyết định	596/1999/QĐ-UB Ngày 11/8/1999	Bổ sung thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện Cần Giờ.
156	Quyết định	690/1999/QĐ-UB Ngày 24/9/1999	Thành lập Hội đồng sơ tuyển thi nâng ngạch công chức.
157	Quyết định	743/1999/QĐ-UB Ngày 04/10/1999	Bổ sung thành viên Tổ bán chuyên trách thực hiện công nhân hóa Doanh nghiệp Nhà nước huyện Cần Giờ.
158	Quyết định	830/1999/QĐ-UB Ngày 09/11/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm ma túy - AIDS và tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.
159	Quyết định	835/1999/QĐ-UB Ngày 10/11/1999	Thay đổi bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo chống sử dụng chất nổ, xung điện chất độc để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện.
160	Quyết định	838/1999/QĐ-UB Ngày 11/11/1999	Thành lập Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp huyện Cần Giờ.

161	Quyết định	904/1999/QĐ-UB Ngày 23/11/1999	Thành lập Ban Chỉ đạo thi hành Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử ở lại miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954.
162	Chỉ thị	01/2000/CT-UB Ngày 10/4/2000	Thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng năm 2000 trên địa bàn huyện Cần Giò.
163	Chỉ thị	03/2000/CT-UB Ngày 30/8/2000	Xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách huyện năm 2001.
164	Quyết định	120/2000/QĐ-UB Ngày 10/02/2000	Thành lập Ban Chỉ đạo chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giò.
165	Quyết định	235/2000/QĐ-UB Ngày 03/3/2000	Bổ sung thành viên Ủy ban Bảo vệ - Chăm sóc Trẻ em huyện Cần Giò.
166	Quyết định	270/2000/QĐ-UB Ngày 17/3/2000	Thành lập Ban Chỉ đạo các câu lạc bộ truyền thông dân số.
167	Quyết định	278/2000/QĐ-UB Ngày 28/3/2000	Bổ sung thành viên Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình.
168	Quyết định	280/2000/QĐ-UB Ngày 28/3/2000	Thành lập Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án hệ thống các công trình đường dây và trạm biến áp 220kV, 110kV nối Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ với hệ thống điện quốc gia trên địa bàn huyện Cần Giò.
169	Quyết định	402/2000/QĐ-UB Ngày 17/4/2000	Thành lập Ban Chỉ đạo công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở huyện Cần Giò.
170	Quyết định	407/2000/QĐ-UB Ngày 22/5/2000	Thay đổi thành viên Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật huyện Cần Giò.
171	Quyết định	410/2000/QĐ-UB Ngày 22/5/2000	Thay đổi Tổ Trưởng Ban chuyên trách thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước huyện Cần Giò.
172	Quyết định	464/QĐ-UB Ngày 31/5/2000	Thành lập Tổ Kiểm tra liên ngành phòng, chống tội phạm ma túy - AIDS và tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.
173	Quyết định	477/QĐ-UB Ngày 08/6/2000	Bổ sung tổ viên Tổ Kiểm tra liên ngành phòng, chống tội phạm ma túy - AIDS và tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.

174	Quyết định	534/QĐ-UB Ngày 22/6/2000	Thành lập Tổ Kiểm tra việc lấn chiếm đất rừng xây dựng nhà ở, vật kiến trúc trái phép.
175	Quyết định	847/QĐ-UB Ngày 08/9/2000	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các câu lạc bộ truyền thông dân số.
176	Quyết định	771/QĐ-UB Ngày 17/8/2000	Thay đổi thành viên Tổ Kiểm tra việc lấn chiếm đất rừng xây dựng nhà ở, vật kiến trúc trái phép.
177	Quyết định	1196/2000/QĐ-UB Ngày 29/12/2000	Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện Cần Giờ.
178	Chỉ thị	02/2001/CT-UB Ngày 25/6/2001	Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2001 trên địa bàn huyện Cần Giờ.
179	Chỉ thị	03/2001/CT-UB Ngày 17/7/2001	Thực hiện quy trình quản lý đăng ký tạm trú và tạm vắng.
180	Quyết định	106/2001/QĐ-UB Ngày 09/02/2001	Ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 1999 - 2004.
181	Quyết định	119/QĐ-UB Ngày 26/02/2001	Thay đổi, bổ sung nhân sự Ban đại diện Người cao tuổi huyện Cần Giờ.
182	Quyết định	135/QĐ-UB Ngày 06/3/2001	Ban hành Quy định tạm thời về quản lý nhà nước đối với nghề nuôi tôm ở huyện Cần Giờ.
183	Quyết định	139/QĐ-UB Ngày 08/3/2001	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình nuôi tôm trên địa bàn huyện.
184	Quyết định	168/QĐ-UB Ngày 15/3/2001	Thành lập Quỹ phòng, chống dịch bệnh tôm sú.
185	Quyết định	227/2001/QĐ-UB Ngày 28/3/2001	Ủy quyền ký chứng thực.
186	Quyết định	316/2001/QĐ-UB Ngày 02/5/2001	Thay đổi thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm ma túy, AIDS và tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.
187	Quyết định	333/2001/QĐ-UB Ngày 10/5/2001	Ban hành Quy định tạm thời về quản lý hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ - du lịch tại khu 30/4 xã Long Hòa.
188	Quyết định	372/QĐ-UB Ngày 01/6/2001	Thành lập Tổ công tác liên ngành Quản lý khu du lịch 30/4 Long Hòa.
189	Quyết định	374/2001/QĐ-UB Ngày 05/6/2001	Thành lập Đội đo đạc dịch vụ địa chính trực thuộc Phòng Địa chính huyện Cần Giờ.
190	Quyết định	375/2001/QĐ-UB Ngày 05/6/2001	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động Đội đo đạc dịch vụ địa chính trực thuộc Phòng Địa chính huyện Cần Giờ.

191	Quyết định	399/2001/QĐ-UB Ngày 22/6/2001	Thành lập Tổ Kiểm tra liên ngành quản lý trật tự về giao thông, xây dựng và vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện.
192	Quyết định	534/QĐ-UB Ngày 10/8/2001	Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ thông trung học cơ sở huyện Cần Giờ.
193	Quyết định	716/QĐ-UB Ngày 20/10/2001	Điều chỉnh chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện.
194	Quyết định	748/QĐ-UB Ngày 16/11/2001	Thành lập Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện Cần Giờ.
195	Quyết định	840/QĐ-UB Ngày 11/12/2001	Sửa đổi, bổ sung thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và cứu nạn huyện Cần Giờ.
196	Quyết định	914/2001/QĐ-UB Ngày 27/12/2001	Ban hành Quy định tạm thời việc cho thuê có thời hạn đất có mặt nước ven sông, ven biển để nuôi thủy sản.
197	Quyết định	930/QĐ-UB Ngày 31/12/2001	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách mua lại rừng được trồng tự túc trong Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.
198	Chỉ thị	02/2002/CT-UB Ngày 27/02/2002	Triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002.
199	Chỉ thị	04/2002/CT-UB Ngày 09/8/2002	Chuẩn bị năm học mới 2002 - 2003.
200	Chỉ thị	05/2002/CT-UB Ngày 15/8/2002	Diễn tập phòng, chống lụt, bão.
201	Chỉ thị	06/2002/CT-UB Ngày 26/8/2002	Xây dựng Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2003.
202	Chỉ thị	07/2002/CT-UB Ngày 11/11/2002	Tổ chức diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ năm 2002.
203	Quyết định	01/2002/QĐ-UB Ngày 14/01/2002	Miễn gọi nhập ngũ thời bình cho nam công dân trong năm 2002.
204	Quyết định	02/2002/QĐ-UB Ngày 14/01/2002	Điều động công dân nhập ngũ vào Quân đội nhân dân Việt Nam trong năm 2002.
205	Quyết định	03/2002/QĐ-UB Ngày 14/01/2002	Tạm hoãn gọi nhập ngũ thời bình cho nam công dân trong năm 2002.
206	Quyết định	04/2002/QĐ-UB Ngày 04/02/2002	Hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên.

207	Quyết định	05/2002/QĐ-UB Ngày 21/02/2002	Giao chỉ tiêu kế hoạch huy động nhân viên lao động công ích năm 2002.
208	Quyết định	06/2002/QĐ-UB Ngày 08/3/2002	Giao chỉ tiêu Quỹ Phòng, chống lụt, bão trên địa bàn huyện năm 2002.
209	Quyết định	10/2002/QĐ-UB Ngày 27/3/2002	Giao chỉ tiêu nhân khẩu và kế hoạch hóa gia đình năm 2002.
210	Quyết định	11/2002/QĐ-UB Ngày 02/4/2002	Gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu năm 2002.
211	Quyết định	13/2002/QĐ-UB Ngày 22/4/2002	Miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2002.
212	Quyết định	16/2002/QĐ-UB Ngày 24/6/2002	Thành lập Ban Quản lý Khu du lịch 30/4 huyện Cần Giờ.
213	Quyết định	17/2002/QĐ-UB Ngày 24/6/2002	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động Ban Quản lý Khu du lịch 30/4.
214	Quyết định	18/2002/QĐ-UB Ngày 31/7/2002	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện đề án đầu tư phát triển xã Thạnh An giai đoạn 2002 - 2005.
215	Quyết định	20/2002/QĐ-UB Ngày 29/8/2002	Sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.
216	Quyết định	21/2002/QĐ-UB Ngày 30/8/2002	Chuyển giao nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn huyện từ Trung tâm Y tế về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.
217	Quyết định	22/2002/QĐ-UB Ngày 21/10/2002	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.
218	Quyết định	25/2002/QĐ-UB Ngày 14/11/2002	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em huyện Cần Giờ.
219	Quyết định	27/2002/QĐ-UB Ngày 09/12/2002	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Quản lý đô thị huyện Cần Giờ.
220	Quyết định	08/2003/QĐ-UB Ngày 15/4/2003	Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Chống tham nhũng huyện Cần Giờ.
221	Quyết định	10/2003/QĐ-UB Ngày 22/4/2003	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn xét các trường hợp HTH quyền sử dụng đất và giao đất xây dựng nhà ở huyện Cần Giờ.

222	Quyết định	11/2003/QĐ-UB Ngày 29/4/2003	Thành lập Đội Thi hành quyết định hành chính huyện Cần Giờ.
223	Quyết định	13/2003/QĐ-UB Ngày 06/5/2003	Ban hành các danh mục các thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân huyện.
224	Quyết định	16/2003/QĐ-UB Ngày 28/5/2003	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động giám sát dịch SARS tại cộng đồng trên địa bàn huyện Cần Giờ.
225	Quyết định	17/2003/QĐ-UB Ngày 12/6/2003	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế huyện Cần Giờ.
226	Quyết định	19/2003/QĐ-UB Ngày 20/6/2003	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa - Xã hội huyện Cần Giờ.
227	Quyết định	22/2003/QĐ-UB Ngày 29/7/2003	Thành lập Ban Tôn giáo huyện Cần Giờ.
228	Quyết định	28/2003/QĐ-UB Ngày 10/9/2003	Thành lập Ban chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở huyện Cần Giờ.
229	Quyết định	30/2003/QĐ-UB Ngày 02/10/2003	Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện Cần Giờ.
230	Quyết định	36/2003/QĐ-UB Ngày 09/12/2003	Giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các phòng, ban huyện Cần Giờ.
231	Quyết định	37/2003/QĐ-UB Ngày 30/12/2003	Giao chỉ tiêu kinh phí khối hành chính sự nghiệp.
232	Chỉ thị	04/2004/CT-UB Ngày 13/8/2004	Thực hiện công tác tuyển chọn và gọi nhập ngũ năm 2005.
233	Quyết định	02/2004/QĐ-UB Ngày 05/01/2004	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ hành chính nhà, đất huyện Cần Giờ.
234	Quyết định	13/2004/QĐ-UB Ngày 02/3/2004	Hợp nhất Đội Quản lý trật tự đô thị và Đội Thi hành quyết định hành chính thành Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Cần Giờ.
235	Quyết định	14/2004/QĐ-UB Ngày 02/3/2004	Bổ sung, thay thế thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão - Tìm kiếm cứu nạn huyện Cần Giờ.
236	Quyết định	16/2004/QĐ-UB Ngày 15/3/2004	Giao mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính thí điểm cho Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp.

237	Quyết định	21/2004/QĐ-UB Ngày 31/3/2004	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn.
238	Quyết định	22/2004/QĐ-UB Ngày 02/4/2004	Giao chỉ tiêu tuyển chọn cán bộ đi đào tạo lớp Chỉ huy trưởng Quân sự xã, thị trấn năm 2004 - 2006.
239	Quyết định	28/2004/QĐ-UB Ngày 16/4/2004	Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2004 - 2006 cho đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí Ban Quản lý Khu du lịch 30/4 huyện Cần Giờ.
240	Quyết định	29/2004/QĐ-UB Ngày 22/4/2004	Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2004 - 2006 cho đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí Trung tâm Dịch vụ hành chính nhà, đất huyện Cần Giờ.
241	Quyết định	30/2004/QĐ-UB Ngày 22/4/2004	Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2004 - 2006 cho đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện Cần Giờ.
242	Quyết định	36/2004/QĐ-UB Ngày 09/6/2004	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện.
243	Quyết định	41/2004/QĐ-UB Ngày 02/8/2004	Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện.
244	Quyết định	50/2004/QĐ-UB Ngày 20/9/2004	Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2004 - 2006 cho đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ.
245	Quyết định	55/2004/QĐ-UB Ngày 21/10/2004	Ban hành danh mục các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh, hộ tịch chứng thực.
246	Quyết định	69/2004/QĐ-UB Ngày 27/12/2004	Giao chỉ tiêu ngân sách xã năm 2005.
247	Quyết định	70/2004/QĐ-UB Ngày 29/12/2004	Giao điều chỉnh định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các phòng, ban huyện Cần Giờ.
248	Quyết định	71/2004/QĐ-UB Ngày 29/12/2004	Giao chỉ tiêu kinh phí năm 2005 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.
249	Chỉ thị	02/2005/CT-UBND Ngày 11/10/2005	Tổ chức diễn tập kiểm tra phương án A2.

250	Chỉ thị	03/2005/CT-UBND Ngày 15/12/2005	Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự, động viên quân đội năm 2005.
251	Quyết định	01/2005/QĐ-UBND Ngày 01/01/2005	Giao chỉ tiêu kế hoạch huy động nghĩa vụ lao động công ích năm 2005.
252	Quyết định	03/2005/QĐ-UBND Ngày 14/01/2005	Tổ chức các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện.
253	Quyết định	05/2005/QĐ-UBND Ngày 21/02/2005	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Cần Giò.
254	Quyết định	06/2005/QĐ-UBND Ngày 21/02/2005	Bổ sung nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ hành chính nhà đất huyện.
255	Quyết định	09/2005/QĐ-UBND Ngày 08/4/2005	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Cần Giò.
256	Quyết định	10/2005/QĐ-UBND Ngày 18/4/2005	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Cần Giò.
257	Quyết định	11/2005/QĐ-UBND Ngày 18/4/2005	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cần Giò.
258	Quyết định	15/2005/QĐ-UBND Ngày 16/5/2005	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo huyện Cần Giò.
259	Quyết định	27/2005/QĐ-UBND Ngày 11/8/2005	Giao chỉ tiêu kế hoạch, kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp năm 2005 (các công trình hạ tầng năm xã nghèo).
260	Quyết định	28/2005/QĐ-UBND Ngày 11/8/2005	Giao chỉ tiêu kế hoạch, kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp năm 2005 (các công trình thanh toán khối lượng động).
261	Quyết định	29/2005/QĐ-UBND Ngày 11/8/2005	Giao chỉ tiêu kế hoạch, kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp năm 2005 (các công trình khởi công mới và chuẩn bị đầu tư).
262	Quyết định	30/2005/QĐ-UBND Ngày 16/8/2005	Điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu đầu tư xây dựng - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách huyện năm 2005.



263	Quyết định	44/2005/QĐ-UBND Ngày 30/11/2005	Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đầu tư xây dựng - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách huyện năm 2005.
264	Quyết định	45/2005/QĐ-UBND Ngày 16/12/2005	Giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp năm 2005.
265	Quyết định	46/2005/QĐ-UBND Ngày 19/12/2005	Giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách 2006 cho các xã, thị trấn.
266	Quyết định	48/2005/QĐ-UBND Ngày 21/12/2005	Giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách 2006 cho Chi cục Thuế huyện Cần Giờ.
267	Quyết định	49/2005/QĐ-UBND Ngày 21/12/2005	Giao chỉ tiêu kinh phí năm 2006 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.
268	Quyết định	50/2005/QĐ-UBND Ngày 21/12/2005	Giao chỉ tiêu đầu tư xây dựng - sửa chữa lớn nguồn ngân sách huyện năm 2006.
269	Quyết định	51/2005/QĐ-UBND Ngày 21/12/2005	Giao chỉ tiêu kinh phí năm 2006 cho các đơn vị khối giáo dục.
270	Quyết định	44/2006/QĐ-UBND Ngày 20/12/2006	Giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa lớn nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp năm 2006.
271	Chỉ thị	01/2007/CT-UBND Ngày 18/01/2007	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2008.
272	Chỉ thị	03/2007/CT-UBND Ngày 11/10/2007	Về diễn tập công tác phòng, chống bệnh, bão, chần chống nhà cửa, gia cố tuyến kè, tìm kiếm cứu nạn trên sông biển năm 2007.
273	Chỉ thị	04/2007/CT-UBND Ngày 15/11/2007	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ quân đội năm 2008.
274	Chỉ thị	05/2007/CT-UBND Ngày 28/12/2007	Về tăng cường phòng, chống tội phạm đảm bảo an ninh trật tự giữ gìn trật tự giao thông Tết Mậu Tý năm 2008.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

## HUYỆN CỬ CHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2009/QĐ-UBND

*Cử Chi, ngày 11 tháng 02 năm 2009*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trưởng Phòng Nội vụ huyện và Trưởng Phòng Tư Pháp huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi.

##### **Điều 2. Vị trí pháp lý**

Tên gọi: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi do Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi thành lập và chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

### **Chương II**

#### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC**

##### **Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ**

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cử Chi có chức năng và nhiệm vụ:

1. Lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

2. Giúp Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 4 Điều 43 của Quy định kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

3. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư; kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất. Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng, lưu trữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án theo quy định;

4. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Hội đồng Bồi thường của dự án hoặc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xem xét giải quyết;

5. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chính xác, đúng đối tượng;

6. Phối hợp các ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đối với các dự án trên địa bàn huyện do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện thực hiện;

7. Phối hợp các đơn vị có liên quan lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

8. Lập bản vẽ hoặc hợp đồng thuê các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà đất để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện;

9. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của dự án công ích trên địa bàn huyện cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này;

10. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc rao mua quỹ nhà, đất tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố tại Chỉ thị số 32/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 về tập trung giải quyết tái định cư cho các hộ

đang tạm cư trong thời gian dài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Ủy ban nhân dân thành phố;

11. Thường xuyên cập nhật giá cả liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nhà ở, đất ở, giá vật liệu xây dựng...);

12. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi từ các doanh nghiệp, tổ chức; các dự án phát triển nhà thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư;

13. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng tháo gỡ;

14. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và sở - ngành để theo dõi, hỗ trợ các hộ dân ổn định cuộc sống sau khi di dời theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố;

15. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ, hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn huyện và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các sở - ngành liên quan;

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức**

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi do Trưởng ban phụ trách, có từ 2 đến 3 Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Cơ cấu các phòng chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

a) Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức thành các phòng chức năng nghiệp vụ, quản lý các phòng có Trưởng phòng và có từ 1 đến 2 Phó Trưởng phòng.

b) Các phòng chức năng nghiệp vụ:

- Phòng Kế toán tài vụ;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Kiểm kê;
- Phòng Kiểm tra hồ sơ - Giải quyết khiếu nại.

3. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập và sắp xếp các phòng thuộc Ban; thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

a) Thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Phòng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

b) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng hoặc Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn, thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

### **Chương III** **CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG**

#### **Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức**

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

#### **Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán**

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.

- Phó Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Đối với cán bộ quản lý phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,20.

- Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,15.

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,30.

- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,20.

## **Chương IV**

### **ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 7. Định mức biên chế**

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu có, đối với đơn vị có nguồn thu không đủ trang trải).

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của huyện được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

#### **Điều 8. Cơ chế tài chính**

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

#### **Điều 9. Nguồn kinh phí**

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện được trích



từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện.

Trường hợp đặc biệt kinh phí trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện không đủ chi thì Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào cân đối ngân sách huyện để bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

## **Chương V**

### **TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC**

#### **Điều 10. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, quản lý và sử dụng viên chức**

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định tại:

- Bộ Luật Lao động;
- Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000;
- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;
- Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;
- Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;
- Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;
- Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP.

#### **Điều 11. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức**

Trưởng ban đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng và

thực hiện việc xét tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

### **Điều 12. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức**

Cán bộ, viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

## **Chương VI**

### **PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG, NGHIỆP VỤ**

#### **Điều 13. Phân công, chế độ trách nhiệm**

##### **1. Trưởng ban:**

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan;

Điều hành hoạt động của Ban; chỉ đạo cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt phương án tổng thể hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện;

Tham gia thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo quy định tại chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này;

Giúp Ủy ban nhân dân huyện xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

##### **2. Các Phó Trưởng ban:**

Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

##### **3. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:**

## a) Phòng Kiểm kê:

## \* Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận các hồ sơ văn bản đề nghị thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng do chủ đầu tư cung cấp;

- Tiếp nhận cột mốc mặt bằng quy hoạch;

- Tổ chức việc thực hiện phát tờ khai, hướng dẫn người bị thu hồi đất kê khai, thu tờ khai, tổng hợp số liệu phục vụ công tác lập phương án tổng thể;

+ Số liệu tổng hợp về diện tích các loại đất, số tờ bản đồ, số thửa, giá trị ước tính tài sản;

+ Số liệu tổng hợp về số hộ bị ảnh hưởng, số nhân khẩu, số lao động trong khu vực bị thu hồi đất trong đó phải nêu rõ số lao động phải chuyển đổi ngành nghề, số hộ phải tái định cư;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện công tác điều tra xác minh cơ sở pháp lý;

- Phối hợp Phòng Hành chính - Tổng hợp áp giá, tổ chức công bố phương án tổng thể và phương án bồi thường;

- Tiếp thu ý kiến và giải đáp thắc mắc của công dân về các số liệu kiểm kê, điều tra xác minh cơ sở pháp lý;

- Bàn giao hồ sơ kiểm kê đã được điều tra xác minh có đầy đủ cơ sở pháp lý cho Phòng Hành chính - Tổng hợp để áp giá bồi thường;

- Sau khi chi trả bồi thường xong, tổ chức bàn giao mặt bằng và hồ sơ bồi thường cho chủ đầu tư và lưu trữ hồ sơ bồi thường theo quy định;

- Phối hợp các phòng chuyên môn khác để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo cơ quan;

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan về tính chính xác trong việc kiểm kê, điều tra xác minh cơ sở pháp lý.

## \* Nhân sự:

- Phòng Kiểm kê có từ 12 đến 13 người, được chia thành 04 tổ, mỗi tổ phụ trách từ 3 đến 4 dự án.

## b) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

## \* Nhiệm vụ:

- Tham mưu lãnh đạo trình Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng Bồi thường - giải phóng mặt bằng các dự án;

- Khảo sát và trình Hội đồng Bồi thường dự án xem xét về đơn giá bồi thường các loại đất và lập văn bản trình Hội đồng Thẩm định - giải phóng mặt bằng thành phố xem xét thẩm định;

- Tham mưu lãnh đạo ký kết các hợp đồng giữa Ban Bồi thường và chủ đầu tư;

- Lập và trình duyệt phương án tổng thể, phương án bồi thường;

- Tổ chức công bố phương án tổng thể và niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường;

- Lập bảng chiết tính bồi thường, xác định mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho từng đối tượng;

- Bàn giao hồ sơ bồi thường sau khi đã được áp giá cho Phòng Kiểm tra hồ sơ - Giải quyết khiếu nại để tiến hành kiểm tra;

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ pháp lý của dự án, công văn đến, công văn đi và quản lý văn phòng phẩm;

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan về tính chính xác của bảng chiết tính bồi thường, xác định mức bồi thường hỗ trợ thiệt hại cho từng đối tượng.

\* Nhân sự:

Phòng Hành chính - Tổng hợp có từ 07 đến 08 người; được chia thành 02 tổ: Tổ Văn phòng và Tổ Tổng hợp.

c) Phòng Kiểm tra hồ sơ - Giải quyết khiếu nại, tố cáo:

\* Nhiệm vụ:

- Thực hiện việc kiểm tra về cơ sở pháp lý để xác định nguồn gốc, mục đích sử dụng và diện tích đất đai bị thu hồi, tài sản gắn liền với đất, mật độ cây trồng hoa màu trên đất bị thu hồi theo quy định;

- Kiểm tra việc áp giá theo đơn giá các loại đất bồi thường đã được thẩm định, đơn giá vật kiến trúc, cây trồng hoa màu theo quy định;

- Kiểm tra việc áp dụng các chính sách bồi thường hỗ trợ khác;

- Tiếp nhận quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân do Ủy ban nhân dân huyện ban hành và tổ chức trao quyết định thu hồi đất đến người có đất bị thu hồi hoặc niêm yết quyết định thu hồi đất tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để làm cơ sở ban hành quyết định bồi thường;

- Bàn giao hồ sơ bồi thường cho Phòng Kế toán tài vụ để tổ chức chi trả bồi thường;

- Trao quyết định bồi thường cho người bị thu hồi đất không đồng ý nhận tiền bồi thường và hướng dẫn người dân khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

- Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, phân loại và tổ chức xác minh để có cơ sở đề xuất lãnh đạo chỉ đạo giải quyết;

- Phối hợp cùng Thanh tra huyện để thẩm tra, xác minh làm rõ các nội dung khiếu nại, tham mưu cho lãnh đạo về giải quyết khiếu nại và đối thoại với công dân;

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan về tính chính xác của các quyết định bồi thường và kết quả thẩm tra xác minh đơn khiếu nại của công dân.

\* Nhân sự:

- Phòng Kiểm tra hồ sơ - Giải quyết khiếu nại, tố cáo có từ 08 đến 09 người, chia thành 03 tổ: Tổ Kiểm tra hồ sơ; Tổ Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Tổ Tham mưu ban hành quyết định bồi thường.

d) Phòng Kế toán tài vụ:

\* Nhiệm vụ:

- Lập và trình duyệt dự toán thu - chi hàng năm, trích lập và tham mưu lãnh đạo cơ quan sử dụng các quỹ theo quy định;

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước khi trình lãnh đạo đơn vị duyệt chi;

- Kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu - chi của cơ quan;

- Tham mưu lãnh đạo cơ quan xây dựng tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu nội bộ để đảm bảo hoạt động thường xuyên và tăng cường công tác quản lý sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả;

- Lập hồ sơ chứng từ và thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án;

- Thực hiện chế độ kế toán, thống kê, báo cáo quyết toán, kiểm tra và công khai tài chính;

- Quản lý tài sản của cơ quan;

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên về sự trung thực, khách quan của số liệu kế toán, quyết toán và báo cáo tài chính định kỳ;

- Phối hợp với các phòng chuyên môn khác của cơ quan để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

\* Nhân sự:

Phòng Kế toán tài vụ có 5 người.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên:

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban, Phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

## **Chương VII**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 14. Chế độ làm việc và hội họp**

1. Chế độ làm việc:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của huyện.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Trưởng phòng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện và các sở - ngành liên quan.

Hàng quý, 6 tháng và cuối năm báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

**Điều 15. Quan hệ công tác**

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Sở Tài chính và các sở - ngành liên quan:

- Đối với Sở Tài chính: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và các biểu mẫu về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để huyện thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Các sở - ngành có trách nhiệm hướng dẫn các lĩnh vực liên quan, tăng cường việc kiểm tra, thanh tra công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư các lĩnh vực liên quan tại huyện.

- Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các sở - ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng trong công tác lập phương án tổng thể (trường hợp đã thành lập Hội đồng) và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

4. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội huyện:

Phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện, Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả tới từng hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện theo quy định của Nhà nước.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Trưởng ban tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

## **Chương VIII** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16.** Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện và các cơ quan liên quan thuộc huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**